

Bản án số: 42/2021/DS-PT
Ngày 29-7-2021
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Đặng Minh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số 246/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2021**, Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ: Cụm 5, Tân Khê, Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Th, địa chỉ: Thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn Trường và chị Nguyễn Thị Nguyệt, đều có địa chỉ: Thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt anh Trường, vắng mặt chị Nguyệt.

+ Chị Nguyễn Thị Ngoan, địa chỉ: Thôn Đình Vàn, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh; địa chỉ: Số 19/82 ngõ 272 Đà Nẵng, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phương; địa chỉ: Số 36 đường Nguyễn Bình, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Dương; địa chỉ: Số 44/73 ngõ 89 Chợ Con, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Diêm; địa chỉ: Số 4, ngách 129/5/20 tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Sinh; địa chỉ: Số 4, ngách 129/5/20 tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Lợi; địa chỉ: Số 83, ngõ 437 phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa; địa chỉ: Số 91, ngõ 437 phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Lan; địa chỉ: Thôn Hòa Trung, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân Hiệp; địa chỉ: Số nhà 11A9 khu tập thể công nhân, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Anh Trần Mạnh Hà; địa chỉ: Số nhà 11A9 khu tập thể công nhân, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Mạnh Hà là anh Trần Mạnh Hiệp, địa chỉ: Số nhà 11A9 khu tập thể công nhân, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Nhuận; địa chỉ: Số 3/55/84/143 đường Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Ngọc Chính; địa chỉ: Đường Cầu Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị Kim Tươi; địa chỉ: Cụm 5, Tân Khê, Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Lê Xuân Nghị - Chủ tịch xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Th là bị đơn và anh Nguyễn Văn Trường là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Phú chết ngày 20 tháng 02 năm 1981 có vợ là cụ Nguyễn Thị Nhi chết ngày 31 tháng 10 năm 1989. Bố mẹ cụ Phú, cụ Nhi đều chết trước hai cụ đã lâu. Cụ Phú, cụ Nhi không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, không có con riêng, chỉ có ba người con chung (còn có ba người con nữa là Nguyễn Thị Khang, Nguyễn Thị Hy, Nguyễn Văn Lại (tức Loạn) chết khi còn nhỏ, chết từ rất lâu) là:

- Ông Nguyễn Văn Thứ chết ngày 29 tháng 4 năm 2018.
- Bà Nguyễn Thị Nhỡ chết ngày 12 tháng 3 năm 2013.
- Ông Nguyễn Văn Quý chết ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Ông Thứ, bà Nhỡ, ông Quý không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, chết đi không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì. Ông Nguyễn Văn Thứ có vợ là Nguyễn Thị Thoa chết năm 1997. Ông Thứ, bà Thoa có bốn người con là Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Thanh, không có con riêng.

Bà Nhỡ có chồng là ông Nguyễn Quang Diêm. Ông Diêm, bà Nhỡ có bốn người con là Nguyễn Quang Sinh, Nguyễn Quang Lợi, Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Kim Lan; không có con nuôi.

Ông Quý có hai vợ là bà Nguyễn Thị Mối chết năm 2003, bà thứ hai là Nguyễn Thị Th lấy nhau khoảng năm 1978, được cả làng xã công nhận là vợ ông Quý. Ông Quý, bà Mối có ba người con chung là Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Thị Loan (đã chết năm 1990, không có con, có chồng là ông Hoàng Ngọc Chính); Nguyễn Thị Giáp (chết năm 2010, có chồng là ông Trần Văn Hùng đã chết). Bà Giáp, ông Hùng có hai con chung là Trần Mạnh Hà, Trần Mạnh Hiệp. Ông Quý, bà Th có hai con chung là Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thị Ngoan. Bà Nguyễn Thị Mối chết đi cũng không để lại di chúc.

Cụ Phú, cụ Nhi chết đi có để lại tài sản là diện tích đất thừa số 485 diện tích 912 m² đất thổ cư, thừa số 486 diện tích 520m² đất ao hồ. Năm 2012 giữa ông Thứ, ông Quý thỏa thuận cho ông Thứ diện tích đất 360m² nên ông An và vợ đã xây một nhà cấp bốn trên đất nhưng không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông An yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nhi, cụ Phú để lại là diện tích đất thừa số 485 diện tích 912m² đất thổ cư, thừa số 486 diện tích 520m² đất ao hồ theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa ông giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế như trên và bổ sung yêu cầu đòi lại diện tích đất 360m² nằm trong diện tích đất thừa số 485 diện tích 912m² đất thổ cư, ông trình bày diện tích đất này năm 1988 cụ Phú, cụ Nhi đã cho bố ông là Thứ.

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân như ông An trình bày. Ông Quý sinh sống trên đất từ nhỏ cho đến khi chết. Bà Mối không có công sức đóng góp xây dựng gì, không ở trên đất. Bà Th lấy ông Quý và sinh sống trên đất từ năm 1977, đóng thuế đất từ đó đến nay, năm 2005 bà và ông Quý đã đăng ký kết hôn. Diện tích đất ao hồ là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã cho thuê. Toàn bộ công trình xây dựng trên đất là của vợ chồng anh Trưởng, chị Nguyệt xây, các công trình cũ đã phá hết đi. Bà Th không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Trưởng thống nhất với lời khai của bà Th. Trên diện tích đất hiện nay có một nhà xây hai tầng, một nhà cấp bốn, bể nước, ao, sân công do vợ chồng anh xây. Nếu được chia di sản thừa kế anh đồng ý để bà Th đại diện nhận quyền quản lý sử dụng đất, các công trình xây dựng trên đất của anh và chị Nguyệt để tự thỏa thuận giải quyết với bà Th, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Nguyệt trình bày vợ chồng chị xây dựng toàn bộ các công trình trên đất, đồng ý với quan điểm của anh Trưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Phương trình bày: Nhất trí với quan điểm của ông An, đề nghị được chia đất và để cho ông An đại diện nhận quyền quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Diêm, ông Nguyễn Quang Sinh, ông Nguyễn Quang Lợi, bà Nguyễn Thị Kim Hoa trình bày diện tích đất tại xã Kênh Giang do cụ Nhi, cụ Phú để lại, nếu được chia sau này sẽ cho anh Trưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Dương, bà Nguyễn Thị Nhuận, bà Nguyễn Thị Kim Lan, anh Trần Mạnh Hiệp, người đại diện hợp pháp của anh Trần Mạnh Hà, chị Nguyễn Thị Ngoan không có ý kiến gì mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang có quan điểm: Thửa số 486 diện tích 520m² là đất công ích thuộc quyền quản lý của xã, trước đây giao cho ông Phú sử dụng và đóng thuế đất hàng năm, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là di sản thừa kế.

Tại Bản án số 29/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ Áp dụng Điều 26, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ Luật Dân sự, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A: Bà Bùi Thị Th (đại diện cho cả anh Nguyễn Văn Trường) được quyền sử dụng diện tích đất là 634m² bao gồm các mốc 14-15-16-17-18-19-20-14 có trên sơ đồ kèm theo bản án thuộc thửa 485 tờ bản đồ số 4 tại thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Trên đất có các công trình xây dựng, một nhà xây hai tầng kiên cố, một nhà cấp bốn chứa đồ, sân đá đỏ do anh Nguyễn Văn Trường, chị Nguyễn Thị Nguyệt xây dựng. Bà Bùi Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang Diêm, ông Nguyễn Quang Sinh, ông Nguyễn Quang Lợi, bà Nguyễn Thị Kim Hoa, bà Nguyễn Thị Kim Lan mỗi người trị giá 62.550.000 đồng. Trả chị Nguyễn Thị Ngoan; bà Nguyễn Thị Nhuận trị giá 93.825.000 đồng một người. Anh Trần Mạnh Hà và Trần Mạnh Hiệp mỗi người được 46.912.500 đồng. Ông Nguyễn Văn Dương trị giá 78.187.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn A (đại diện cho cả bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Thanh) được quyền sử dụng diện tích đất là 200m² trên đất bao gồm các mốc 1-2-3-21-1 có trên sơ đồ kèm theo bản án thuộc thửa 485 tờ bản đồ số 4 tại thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng và quyền sở hữu 80 cây cau trên đất. Ông Nguyễn Văn A (đại diện cho cả bà Thanh, bà Phương) có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị Th, anh Nguyễn Văn Trường mỗi người 8.000.000 đồng tiền giá trị cây cau. Ông Nguyễn Văn A đại diện cho bà Phương, bà Thanh có trách nhiệm thanh toán cho bà Th số tiền là 65.437.500 đồng do nhận phần đất được chia nhiều hơn phần đất được hưởng từ việc chia di sản thừa kế.

Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường được sử dụng ngõ đi hiện trạng có mốc 6-7-8-9-10-11-12-6 diện tích 49,6m² có trên sơ đồ kèm theo bản án. Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường được sử dụng ngõ đi chung mốc 12-13-5-6-12 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 33,4m² và ngõ đi chung mốc 5-13-14-3-4-5 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 48,9m².

Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường có quyền sử dụng lối đi chung mốc 21-3-14-20-21 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 84m².

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 10 năm 2020 bà Bùi Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Trường có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án huyện TN xác định diện tích đất tranh

chấp là di sản thừa kế của cụ Phú và cụ Nhi và thực hiện việc phân chia di sản cho những người thừa kế là không đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm không có sự tham gia của bà Th nhưng Tòa án vẫn tiến hành xét xử là xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Th đã có Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2018, ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Trường được thay mặt bà tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trường có mặt và có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, bà Th đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là hoàn toàn đúng pháp luật. Sổ mục kê năm 1985 ghi nhận thửa 485 có diện tích 912m² mang tên cụ Phú và tại Bản án phúc thẩm số 47/2016/DS-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đang có hiệu lực pháp luật, giải quyết tranh chấp giữa ông Thử và ông Quý, đã xác định diện tích 912m² là đất của cụ Phú. Vì vậy có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Phú và cụ Nhi để lại chưa chia. Bà Th và anh Trường sinh sống trên đất này, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước thì chỉ xác định bà Th, anh Trường là người có công sức gìn giữ tôn tạo di sản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định các hàng thừa kế và phân chia di sản thừa kế đều có căn cứ pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Th và anh Trường. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th được miễn án phí do là người cao tuổi. Anh Trường phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp chia di sản thừa kế, bà Bùi Thị Th cư trú tại huyện TN, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện TN

,thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn Trường:

[3] Tại cấp sơ thẩm, bà Th đã có văn bản ủy quyền cho anh Trường tham gia tố tụng. Tòa án đã triệu tập bà Th hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Th vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguồn gốc đất: Tại Sổ mục kê năm 1985 được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang tại thửa đất số 485 diện tích $912m^2$, đăng ký chủ sử dụng là Nguyễn Văn Phú, loại đất thổ cư; thửa đất số 486 diện tích $520m^2$, đăng ký chủ sử dụng là ông Phú, loại đất ao hồ. Theo lời trình bày của bà Th thì ngày 09 tháng 11 năm 2005 chồng bà là ông Nguyễn Văn Quý và các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn Thù và bà Nguyễn Thị Nhỡ đã họp gia đình và tự phân chia di sản thừa kế của cụ Phú và cụ Nhi, Biên bản đã được UBND xã Kênh Giang xác nhận chữ ký và có cả những người làm chứng đồng ý giao di sản thừa kế là $360m^2$ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Quý. Do đó phần diện tích đất còn lại để chia là $918 - 360 = 558m^2$. Tuy nhiên, tại Biên bản họp gia đình tự phân chia di sản thừa kế ngày 09 tháng 11 năm 2005 thì diện tích đất ghi trong biên bản là $360m^2$ thuộc thửa 415 tờ bản đồ số 04. Tài liệu xác minh tại địa phương các thửa đất đứng tên của cụ Nguyễn Văn Phú không có thửa nào là thửa 415 với diện tích $360m^2$ đất. Do đó không chấp nhận quan điểm trên của bà Th. Như vậy có đủ cơ sở xác định, diện tích đất $912m^2$ tại thửa số 485 tờ bản đồ số 04 là di sản thừa kế của cụ Phú và cụ Nhi để lại.

[5] Về phân chia di sản: Cụ Phú mất ngày 20 tháng 02 năm 1981, cụ Nhi mất ngày 31 tháng 10 năm 1989 đều không để lại di chúc. Do đó di sản thừa kế của các cụ được chia theo quy định của pháp luật. Các cụ có ba người con là ông Thù, bà Nhỡ, ông Quý. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện và hàng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự đều có quan điểm muốn nhận bằng đất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà Bùi Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất $634m^2$ và các tài sản trên đất, bà Th có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác; ông Nguyễn Văn A được quyền sử dụng diện tích đất $200m^2$ và thanh toán chênh lệch tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Trường, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Trường phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 228; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ Luật Dân sự

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; khoản 2, 4 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Trường, giữ nguyên 29/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A: Bà Bùi Thị Th (đại diện cho cả anh Nguyễn Văn Trường) được quyền sử dụng diện tích đất là 634 m² bao gồm các mốc 14-15-16-17-18-19-20-14 có trên sơ đồ kèm theo bản án thuộc thửa 485 tờ bản đồ số 4 tại thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Trên đất có các công trình xây dựng, một nhà xây hai tầng kiên cố, một nhà cấp bốn chứa đồ, sân đá đỏ do anh Nguyễn Văn Trường, chị Nguyễn Thị Nguyệt xây dựng. Bà Bùi Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang Diêm, ông Nguyễn Quang Sinh, ông Nguyễn Quang Lợi, bà Nguyễn Thị Kim Hoa, bà Nguyễn Thị Kim Lan mỗi người trị giá 62.550.000 đồng. Trả chị Nguyễn Thị Ngoan; bà Nguyễn Thị Nhuận trị giá 93.825.000 đồng một người. Anh Trần Mạnh Hà và Trần Mạnh Hiệp mỗi người được 46.912.500 đồng. Ông Nguyễn Văn Dương trị giá 78.187.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn A (đại diện cho cả bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Thanh) được quyền sử dụng diện tích đất là 200 m² trên đất bao gồm các mốc 1-2-3-21-1 có trên sơ đồ kèm theo bản án thuộc thửa 485 tờ bản đồ số 4 tại thôn Trại Trên, xã Kênh Giang, huyện TN, thành phố Hải Phòng và quyền sở hữu 80 cây cau trên đất. Ông Nguyễn Văn A (đại diện cho cả bà Thanh, bà Phương) có

trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị Th, anh Nguyễn Văn Trường mỗi người 8.000.000 đồng tiền giá trị cây cau. Ông Nguyễn Văn A đại diện cho bà Phương, bà Thanh có trách nhiệm thanh toán cho bà Th số tiền là 65.437.500 đồng do nhận phần đất được chia nhiều hơn phần đất được hưởng từ việc chia di sản thừa kế.

Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường được sử dụng ngõ đi hiện trạng có mốc 6-7-8-9-10-11-12-6 diện tích 49,6m² có trên sơ đồ kèm theo bản án. Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường được sử dụng ngõ đi chung mốc 12-13-5-6-12 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 33,4m² và ngõ đi chung mốc 5-13-14-3-4-5 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 48,9m².

Bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Phương, anh Nguyễn Văn Trường có quyền sử dụng lối đi chung mốc 21-3-14-20-21 trên sơ đồ kèm theo bản án diện tích 84m².

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải nộp 3.909.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.648.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000319 ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TN. Ông Nguyễn Văn A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.738.700 đồng.

Ông Nguyễn Văn Dương, bà Nguyễn Thị Phương mỗi người phải nộp 3.909.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang Lợi, bà Nguyễn Thị Kim Hoa, bà Nguyễn Thị Kim Lan mỗi người phải nộp 3.127.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Trường, chị Nguyễn Thị Ngoan, bà Nguyễn Thị Nhuận mỗi người phải nộp 4.691.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Mạnh Hiệp phải nộp 2.345.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Bùi Thị Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn Trường phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh Trường đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015684 ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TN, anh Trường đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà